

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2020/DS-PT

Ngày 21 - 12 - 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dân

2. Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2020/DS – PT ngày 20/11/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm 109/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 242/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Xuân Ng; địa chỉ: LTV, phường TT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Vũ Hữu Đ, bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị P; cùng địa chỉ: P.E, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà L và bà P là: Ông Tô Tiến D; địa chỉ: 55 MHĐ, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (Theo giấy ủy quyền ngày 15/7/2020), có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Hữu Đ và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Tiến D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên ông Trần Xuân Ng có cho ông Vũ Hữu Đ, bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị P vay tiền nhiều lần với mục đích phục vụ cho việc kinh doanh của ông Đ, bà P và bà L. Ngày 24/01/2020 thì Nghị, ông Vũ Hữu Đ, bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị P thống nhất lập bản đối chiếu và cam kết trả nợ có nội dung như sau: “Qua đối chiếu xác nhận, hai bên thống nhất xác nhận tính đến ngày 24/01/2020 bên B bên A tổng số tiền 1.150.000.000đ”. Đồng thời bên B cam kết thanh toán khoản nợ trên cho bên A theo lịch như sau:

+ Thanh toán cho bên A số tiền 150.000.000đ trước ngày 01 tháng 3 năm 2020.

+ Thanh toán tối thiểu cho ông Nghị 100.000.000đ/tháng trước ngày cuối cùng của tháng và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc tương ứng với 3%/tháng.

+ Nếu bên B chậm thanh toán gốc lãi theo thỏa thuận thì phải chịu trách nhiệm đối với số tiền chậm trả tương ứng với mức lãi 4,5%/tháng. Đồng thời bên A có quyền tiến hành các thủ tục theo quy định để thu hồi nợ”.

Tuy nhiên, sau khi đến hạn thanh toán nợ như đã cam kết phía ông Vũ Hữu Đ, bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị P không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết.

Vì vậy ông Trần Xuân Ng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Hữu Đ, bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho ông Nghị số tiền nợ gốc là 1.150.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01/3/2020 đến ngày vụ án được xét xử, theo mức lãi 1,5%/tháng.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Tiến D trình bày:

Đại diện bị đơn ông Tô Tiến D thừa nhận chứng cứ (Bản đối chiếu và cam kết trả nợ) mà ông Trần Xuân Ng dùng để khởi kiện ông Vũ Hữu Đ, bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị P là do hai bên lập, chữ ký (bên B) là do ông Vũ Hữu Đ, bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị P ký và viết ra. Tuy nhiên, theo đại diện ủy quyền của bị đơn thì do ông Đ làm nghề xây dựng nên toàn bộ khoản vay trên là do một mình ông Đ vay để phục vụ cho công việc của ông Đ, bà P, bà L không vay, không thụ hưởng số tiền trên. Song, khi lập bản đối chiếu và cam kết trả nợ thì ông Nghị yêu cầu cả bà P và bà L ký vào bản đối chiếu và cam kết trả nợ để bà P và bà L phải có trách nhiệm cùng ông Đ trả nợ cho ông Nghị. Do chỉ có một mình ông Đ vay và sử

dụng số tiền trên. Do vậy, đề nghị Tòa án buộc ông Đ có trách nhiệm trả số nợ trên cho ông Nghị. Mặt khác sau khi vay số tiền trên thì ông Đ đã thanh cho ông Nghị được 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Cụ thể năm 2019 trả 30.000.000đ, tháng 4/2020 trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Do vậy, đề nghị Tòa án đối trừ nghĩa vụ đối với số nợ trên. Số tiền còn lại 1.020.000.000đ ông Đ xin thanh toán theo luật thi hành án.

Tại bản án sơ thẩm số 109/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72 Điều 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 323 Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân Ng.

Buộc ông Vũ Hữu Đ, bà Nguyễn Thị P và bà Vũ Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Xuân Ng số tiền tổng cộng là: 1.269.025.000đ. (Một tỉ hai trăm sáu mươi chín triệu không trăm hai trăm hai nghìn đồng) Trong đó nợ gốc là 1.150.000.000đ; tiền lãi là 119.025.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Hoàn trả lại cho ông Trần Xuân Ng 23.250.000 đồng (Hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số AA/2019/0008241 ngày 25/6/2020.

Buộc ông Vũ Hữu Đ, bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị P phải chịu 50.070.750đ (Năm mươi triệu, không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2020 bị đơn ông Vũ Hữu Đ kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Việc vay mượn tiền chỉ do một mình ông Đ vay và sử dụng không liên quan đến bà P và bà L nên đề nghị HĐXX chỉ buộc ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho ông

Nghị; trong số tiền gốc mà bị đơn vay của nguyên đơn thì bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn 130.000.000đ. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại số tiền gốc và án phí mà bị đơn phải trả.

Cùng ngày 12/10/2020 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Tiến D cũng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chỉ buộc ông Đ có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thấy rằng: Ông D thừa nhận tại giấy vay ngày 24/01/2020 là chữ ký của ông Đ, bà P và bà L. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Đ, bà P và bà L phải trả tiền cho ông Đ là có căn cứ. Bên cạnh đó, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn 130.000.000đ nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hữu Đ và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Tiến D.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà ông Vũ Hữu Đ và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Tiến D hợp lệ về hình thức, được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án 01 giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ đề ngày 24/01/2020 ông Đ, bà L và bà P ký vay của ông Nghị số tiền 1.150.000.000đ, thỏa thuận trả nợ như sau: Bên vay thanh toán cho bên cho vay 150.000.000đ trước ngày 01/3/2020; thanh toán tối thiểu cho bên cho vay số tiền gốc 100.000.000đ hàng tháng, trước ngày cuối cùng của tháng và lãi phát sinh tính trên nợ gốc tương ứng với lãi suất 3%/tháng. Lãi suất vay được

tính là 3%/tháng trên khoản nợ gốc và 4,5%/tháng nếu chậm trả và không thể hiện mục đích vay (bút lục 28a). Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền lập ngày 24/01/2020 là chữ ký và chữ viết của ông Đ, bà L và bà P. Vì vậy, đơn khởi kiện của ông Nghị là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Đ về việc ông Đ cho rằng đã trả được 130.000.000đ cho nguyên đơn thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Trần Xuân Ng khẳng định từ khi vay (ngày 24/01/2020) đến nay bị đơn chưa hề thanh toán cho ông Nghị được bất kỳ khoản tiền nào. Người kháng cáo trình bày đã trả nhưng không biết trả vào khoản nào, thời gian nào và không có chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, kháng cáo này của ông Đ không cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về trách nhiệm liên đới trả nợ của bà L và bà P thấy rằng: Tại giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ đề ngày 24/01/2020 ông Đ, bà L và bà P cùng ký giấy vay do đó, ông Đ, bà Lê và bà P phải cùng trả nợ. Mặt khác, ông Đ lập công ty xây dựng, vay tiền để xây dựng công trình tăng thu nhập cho gia đình. Bởi vậy, khi không trả được nợ thì các thành viên khác trong gia đình phải có trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, kháng cáo của ông Đ và ông D về vấn đề này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền đề ngày 24/01/2020 thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng trên dư nợ gốc, nếu chậm thanh toán gốc lãi theo thỏa thuận thì phải chịu trách nhiệm đối với số tiền chậm trả tương ứng với mức lãi 4,5%/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức 1,5%/tháng tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử. Xét thấy, mức lãi suất 1,5%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên cần chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày thỏa thuận thanh toán nợ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2020 là 6 tháng 27 ngày (207 ngày). Như vậy, tiền lãi được tính như sau: $(1.150.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 207 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 119.025.000đ$ đồng.

Như vậy, cần buộc ông Vũ Hữu Đ, bà Nguyễn Thị P và bà Vũ Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Xuân Ng số tiền tổng cộng là: 1.269.025.000 đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu, không trăm hai lăm nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc là 1.150.000.000đ và nợ lãi là 119.025.000đ.

[2.5] Ông Tô Tiến D là đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Hữu Đ, bà Nguyễn Thị P và bà Vũ Thị L. Tại đơn kháng cáo ông D không nói rõ kháng cáo với tư cách đại diện theo ủy quyền của ai trong 03 người trên. Do đó, ông D phải đóng tạm ứng

án phí cho 03 người là 900.000đ nhưng cấp sơ thẩm chỉ thu của ông D 300.000đ là không đúng, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.6] Từ các phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bị đơn bà ông Vũ Hữu Đ và ông Tô Tiến D (mỗi người) phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 600.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai số AA/2019/0013162 do ông Tô Tiến D nộp ngày 23/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và biên lai số AA/2019/0013161 do ông Tô Tiến D nộp thay ông Vũ Hữu Đ ngày 23/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án phúc thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hữu Đ và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Tiến D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 109/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72 Điều 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 323 Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân Ng.

Buộc ông Vũ Hữu Đ, bà Nguyễn Thị P và bà Vũ Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Xuân Ng số tiền tổng cộng là: 1.269.025.000đ. (Một tỉ hai trăm sáu mươi chín triệu không trăm hai trăm hai nghìn đồng) Trong đó: Nợ gốc là 1.150.000.000đ; nợ lãi là 119.025.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357 Điều 468 BLDS năm 2015.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà ông Vũ Hữu Đ và ông Tô Tiến D (mỗi người) phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 600.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai số AA/2019/0013162 do ông Tô Tiến D nộp ngày 23/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và biên lai số AA/2019/0013161 do ông Tô Tiến D nộp thay ông Vũ Hữu Đ ngày 23/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA thành phố BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Đình Triết

